

第78回春季バドミントン大会クラブ対抗戦成績

2025/7/27

勝 敗 表

L-J	シャトルメイト(B)	ソレイユBC(B)	WBC	ベトナムバド	勝敗数	ポイント数	得失 ゲーム数	得失点差	順位
シャトルメイト(B)		×	○	×	1 - 2	4 - 5	9 - 12	238 - 257	
		1 - 2 3 - 4 88 - 86	2 - 1 4 - 3 85 - 76	1 - 2 2 - 5 65 - 95	(-1)	(-1)	(-3)	(-19)	4
ソレイユBC(B)	○ 2 - 1 4 - 3 86 - 88		○ 2 - 1 4 - 3 86 - 77	×	2 - 1 (1)	5 - 4 (1)	10 - 10 (0)	236 - 241 (-5)	2
WBC	×	×		○ 2 - 1 4 - 4 92 - 100	1 - 2 (-1)	4 - 5 (-1)	10 - 12 (-2)	245 - 271 (-26)	3
ベトナムバド	○ 2 - 1 5 - 2 95 - 65	○ 2 - 1 4 - 2 76 - 64	×		2 - 1 (1)	5 - 4 (1)	13 - 8 (5)	271 - 221 (50)	1

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 1 (シャトルメイト(B) vs ソレイユBC(B))

会場： スポーツセンター

L-J

シャトルメイト(B)		1 - 2		ソレイユBC(B)	
D1	高橋 三代子	2	15 - 10 15 - 12 - -	0	椎名 加代子
D2	渡邊 昭子	1	15 - 8 11 - 15 5 - 11	2	荒井 めぐみ
D3	水谷 純子	0	14 - 15 13 - 15 - -	2	五十嵐 紀子
	稻毛 みすず				吉長 べい
	富永 園子				野々山 康代
	稻毛 加代子				下重 まゆみ

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 2 (WBC vs ベトナムバド)

会場： スポーツセンター

L-J

	<u>WBC</u>	<u>2</u>	<u>1</u>	<u>ベトナムバド</u>									
D1	大川 あゆみ	2	<table><tr><td>15</td><td>—</td><td>14</td></tr><tr><td>12</td><td>—</td><td>15</td></tr><tr><td>11</td><td>—</td><td>6</td></tr></table>	15	—	14	12	—	15	11	—	6	HONG HUONG LE THI
15	—	14											
12	—	15											
11	—	6											
	山本 彩希			HUONG VUTHI									
D2	宮川 しのぶ	2	<table><tr><td>15</td><td>—</td><td>10</td></tr><tr><td>14</td><td>—</td><td>15</td></tr><tr><td>11</td><td>—</td><td>10</td></tr></table>	15	—	10	14	—	15	11	—	10	THI TUOI DUONG
15	—	10											
14	—	15											
11	—	10											
	黒田 千尋			HAU DAO THI									
D3	浅井 恵	0	<table><tr><td>6</td><td>—</td><td>15</td></tr><tr><td>8</td><td>—</td><td>15</td></tr><tr><td></td><td>—</td><td></td></tr></table>	6	—	15	8	—	15		—		THU THUY NGUYEN THI
6	—	15											
8	—	15											
	—												
	高橋 洋子			HUONG LE THI									

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 3 (ソレイユBC(B) vs WBC)

会場： スポーツセンター

L-J

ソレイユBC(B)		2 - 1		WBC	
D1	五十嵐 紀子	2	15 - 13	1	浅井 恵
	野々山 康代		12 - 15		新井 綾
D2	椎名 加代子	2	11 - 7	0	宮川 しのぶ
	下重 まゆみ				高橋 洋子
D3	荒井 めぐみ	0	15 - 10	2	大川 あゆみ
	吉長 べい		15 - 2		黒田 千尋

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 4 (シャトルメイト(B) vs ベトナムバド)

会場： スポーツセンター

L-J

<u>シャトルメイト(B)</u>		<u>1</u>	<u>2</u>	<u>ベトナムバド</u>
D1	高橋 三代子	6	— 15	HONG HUONG LE THI
	水谷 純子	3	— 15	HUONG VUTHI
D2	富永 園子	13	— 15	THI TUOI DUONG
	渡邊 昭子	15	— 12	1
D3	金子 真理	11	— 8	HAU DAO THI
	稻毛 加代子	8	— 15	THU THUY NGUYEN THI
		9	— 15	2
		—		HUONG LE THI

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 5 (ソレイユBC(B) vs ベトナムバド)

会場： スポーツセンター

L-J

<u>ソレイユBC(B)</u>		<u>1</u>	<u>2</u>	<u>ベトナムバド</u>
D1	椎名 加代子	15	3	THU THUY NGUYEN THI
	五十嵐 紀子	15	13	0
D2	荒井 めぐみ	10	15	HUONG LE THI
	下重 まゆみ	9	15	2
D3	吉長 べい	5	15	THI TUOI DUONG
	野々山 康代	10	15	2
		—	—	HAU DAO THI

大会名： 第78回区民大会春季クラブ対抗戦

種目： 団体戦(L-J)

試合番号： 6 (シャトルメイト(B) vs WBC)

会場： スポーツセンター

L-J

シャトルメイト(B)		2 - 1		WBC										
D1	高橋 三代子	2	<table><tr><td>12</td><td>-</td><td>15</td></tr><tr><td>15</td><td>-</td><td>8</td></tr><tr><td>11</td><td>-</td><td>9</td></tr></table>	12	-	15	15	-	8	11	-	9	1	大川 あゆみ
12	-	15												
15	-	8												
11	-	9												
	富永 園子				高橋 洋子									
D2	渡邊 昭子	2	<table><tr><td>15</td><td>-</td><td>10</td></tr><tr><td>15</td><td>-</td><td>4</td></tr><tr><td></td><td>-</td><td></td></tr></table>	15	-	10	15	-	4		-		0	新井 綾
15	-	10												
15	-	4												
	-													
	稻毛 みすず				山本 彩希									
D3	金子 真理	0	<table><tr><td>10</td><td>-</td><td>15</td></tr><tr><td>7</td><td>-</td><td>15</td></tr><tr><td></td><td>-</td><td></td></tr></table>	10	-	15	7	-	15		-		2	宮川 しのぶ
10	-	15												
7	-	15												
	-													
	稻毛 加代子				黒田 千尋									